

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Châu.

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T - Sinh năm: 1988 - Địa chỉ: Ấp 6, xã M, huyện Đ, tỉnh A. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn L - Sinh năm: 1987 - Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã N, huyện X, tỉnh H. Tạm trú: Ấp 6, xã M, huyện Đ, tỉnh A. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2018, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Trịnh Văn L cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh A ngày 24/3/2011. Chung sống hạnh phúc được một năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau. Hiện bà và ông L đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay.

Về hôn nhân: bà yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Văn L.

Về nuôi con chung: có hai con chung tên Trịnh Cao Anh Đ, sinh ngày 13/4/2011 và Trịnh Ngọc Hoa N, sinh ngày 25/9/2015, hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/7/2018, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Trịnh Văn L trình bày và yêu cầu:

Ông thống nhất lời trình bày của bà T về ngày tháng năm, điều kiện kết hôn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Thời gian phát sinh mâu thuẫn là từ tháng 9/2017. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông không tốt. Hiện nay ông và bà T vẫn sống chung nhà nhưng không hòa hợp.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về nuôi con chung: có hai con chung tên Trịnh Cao Anh Đ, sinh ngày 13/4/2011 và Trịnh Ngọc Hoa N, sinh ngày 25/9/2015, hiện đang sống với bà T. Nếu ly hôn, ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trịnh Cao Anh Đ, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi con chung tên Trịnh Ngọc Hoa N và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trịnh Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trịnh Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã N, huyện X, tỉnh H. Tạm trú: Ấp 6, xã M, huyện Đ, tỉnh A, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Trịnh Văn L được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án số 126/TB-TLVA ngày 26/6/2018, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 161/TB-TA ngày 26/6/2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2018, nhưng ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông L

không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa vì ông đã không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trịnh Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét đơn khởi kiện của ông Tâm theo khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trịnh Văn L chung sống có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M (Đ - A). Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà T và yêu cầu đoàn tụ của ông L, Hội đồng xét xử nhận định: Bà T và ông L đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, xét lời trình bày của ông L thừa nhận ông và bà T mâu thuẫn do ông không tốt, ông bà không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Bà T và ông L sống ly thân từ tháng 4/2018, từ khi hòa giải đến nay bà T và ông L vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Vì vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên hòa giải ngày 16/7/2018: giao con chung Trịnh Ngọc Hoa N, sinh ngày 25/9/2015 cho bà T nuôi dưỡng.

[5.1] Xét yêu cầu nuôi con chung của bà T và ông L, xét thấy: Con chung Trịnh Cao Anh Đ, sinh ngày 13/4/2011, đã trên 07 tuổi, hiện đang sống chung với bà T từ khi bà và ông L sống ly thân, cháu Đ có nguyện vọng sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn nên giao con chung Trịnh Cao Anh Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Xét việc bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà T và ông L trình bày không có không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Sau này phát sinh tranh chấp sẽ tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà T đã nộp đủ án phí.

[10] Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Trịnh Văn L.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trịnh Ngọc Hoa N, sinh ngày 25/9/2015, hiện đang sống chung với bà T.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trịnh Cao Anh Đ, sinh ngày 13/4/2011, hiện con chung đang sống với bà T (theo nguyện vọng của con chung). Ông Trịnh Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà T và ông L có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu, Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0008381 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện Đ (để ghi sổ hộ tịch)

Nguyễn Văn Triền